

Số: /BC-UBND

Ngọk Tự, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch số 99/KH-SGDĐT, ngày 14/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về sơ kết 05 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tự báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Tính đến cuối năm học 2024-2025, toàn xã có 06 trường học, gồm 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS, với 90 lớp, tổng số học sinh là 2.430, học sinh DTTS 2.395 học sinh chiếm tỷ lệ 98,56%.

Trong đó:

- Bậc mầm non có 27 lớp, 779 học sinh, dân tộc thiểu số 757 học sinh chiếm tỷ lệ 97,2%.
- Bậc tiểu học có 43 lớp, 1.055 học sinh, dân tộc thiểu số 1.047 học sinh chiếm tỷ lệ 97,2%..
- Bậc trung học cơ sở có 20 lớp, 596 học sinh, dân tộc thiểu số 591 học sinh chiếm tỷ lệ 97,2%.

2. Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp so với dân số ở từng độ tuổi

Tỉ lệ huy động học sinh ra lớp ở các độ tuổi, các cấp học so với dân số ở từng độ tuổi tăng dần hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục học sinh.

- Bậc mầm non:

+ Năm học 2024-2025: Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 13,7% (tăng 4,8% so với năm học 2020-2021); tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 99,4% (tăng 1,9% so với năm học 2020-2021); tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100% (tăng 1% so với năm học 2020-2021).

- Cấp tiểu học: Tỷ lệ huy động trong độ tuổi đạt 100% (năm học 2020-2021 đạt 100%).

- Cấp trung học cơ sở: Tỷ lệ huy động trong độ tuổi đạt 100% (năm học 2020-2021 đạt 100%).

(Cụ thể có phụ lục 01 đính kèm)

3. Đội ngũ giáo viên

- Căn cứ Kế hoạch số 3732/UBND-KTTH, ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) về việc sắp xếp giai đoạn 2 (2021-2025) và giai đoạn 3 (2025-2030) Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, UBND huyện Đắk Tô (cũ) đã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện¹.

- Chỉ đạo Ngành giáo dục lựa chọn đội ngũ giáo viên cốt cán đảm bảo năng lực tham gia đầy đủ các đợt tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; chỉ đạo hoàn thiện tập huấn đại trà đến đội ngũ giáo viên trong toàn Ngành của địa phương. Linh hoạt trong việc sắp xếp đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng nhu cầu dạy học và yêu cầu nâng cao chất lượng học sinh DTTS.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã đến nay là 191/193 người. Trong đó có 12 cán bộ quản lý, 167 giáo viên và 12 nhân viên².

- Đến nay, tổng số giáo viên của 06 đơn vị trường học thuộc UBND xã là 167 giáo viên. Trong đó cấp mầm non: 58 giáo viên; cấp tiểu học: 65 giáo viên; cấp THCS: 44 giáo viên. Số giáo viên đạt chuẩn là 166/167. Trong đó, cấp mầm non: 58/58 giáo viên, cấp tiểu học: 65/65 giáo viên; cấp THCS: 43/44 giáo viên³.

- Nhận xét chung

+ Ưu điểm:

Đủ về số lượng: Đội ngũ giáo viên các bậc học trên địa bàn xã đã được bổ sung kịp thời, cơ bản đảm bảo theo quy định, đáp ứng yêu cầu giảng.

Chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng cao: Việc tăng số lượng đi cùng với nâng cao trình độ đã góp phần tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai chương trình GDPT 2018 và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

+ Hạn chế:

Chưa đồng đều về năng lực chuyên môn và kỹ năng. Một bộ phận giáo viên tuy đạt chuẩn về bằng cấp nhưng năng lực sư phạm, ứng dụng CNTT, trong đổi mới phương pháp dạy học còn hạn chế.

¹ Kế hoạch số 27/KH-UBND, ngày 23/02/2022 về việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2 (2021-2025) và giai đoạn 3 (2025-2030) trên địa bàn huyện Đắk Tô. Kế hoạch số 152/KH-UBND, ngày 31/12/2021 thực hiện giai đoạn 2021-2025 đối với Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Tô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

² Cấp mầm non 68 biên chế (CBQL 06, giáo viên 58, nhân viên 04); cấp Tiểu học 71 biên chế (CBQL 02, giáo viên 65, nhân viên 04); trung học cơ sở 52 biên chế (CBQL 04, giáo viên 44, nhân viên 04).

³ 01 giáo viên của trường PTDTBT THCS Đỉnh Núp chưa đạt chuẩn (do giáo viên lớn tuổi có nhu cầu nghỉ hưu sớm nên không có nhu cầu nâng chuẩn trình độ đào tạo)

Đội ngũ giáo viên chưa thật sự cân đối giữa các môn học, một số môn còn thiếu giáo viên (âm nhạc, TPT Đội), gây áp lực khi phân công giảng dạy kiêm nhiệm.

+ Nguyên nhân:

Một số giáo viên lớn tuổi, giáo viên người dân tộc thiếu số kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực đổi mới, tiếp cận vấn đề mới còn những hạn chế nhất định để đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa ít am hiểu văn hóa của địa phương, nên khó khăn trong việc vận động, giáo dục học sinh DTTS.

Công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi lúc chưa đồng bộ, chưa gắn chặt với nhu cầu thực tế. Động lực phấn đấu của giáo viên còn hạn chế do chế độ đãi ngộ sau khi nâng chuẩn hoặc học sau đại học chưa có.

(có phụ lục 02 đính kèm)

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT, ĐỀ ÁN

1. Công tác tuyên truyền quán triệt Đề án và các văn bản có liên quan

Nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS, UBND xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt, tuyên truyền Đề án, Nghị quyết số 02-NQ/TU của tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tư tưởng và hành động, phối hợp tổ chức thực hiện Nghị quyết; tổ chức kiểm tra, sơ kết, đảm bảo nội dung và thời gian theo yêu cầu của tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai

UBND xã tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ xã cụ thể hóa Chương trình⁴ để lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc, các cơ quan, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 02-NQ/TU Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình số 22-CTr/HU Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề ra. Đồng thời cụ thể hóa Chương trình⁵ để triển khai thực hiện.

(có phụ lục 03 đính kèm)

⁴ Chương trình số 22-CTr/HU, ngày 21-7-2021 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVII thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS đến 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đắk Tô.

⁵ Kế hoạch số 107/KH-UBND, ngày 21/9/2021 triển khai Chương trình số 22-CTr/HU, ngày 21-7-2021 BCH Đảng bộ huyện khóa XVII thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện; Công văn số 1662/UBND-VX, ngày 08/11/2022 của UBND huyện Đắk Tô triển khai Thông báo Kết luận số 112/TB-SGDĐT, ngày 14/10/2022 của Sở GD&ĐT tỉnh kiểm tra 01 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS tính đến 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM VÀ MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án

1.1. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS, nhất là huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số đối với địa bàn xã, thị trấn có đông học sinh DTTS; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

a) Ưu điểm:

Cấp ủy, UBND xã và các ban ngành, đoàn thể đã triển khai Nghị quyết⁶ đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân để góp phần nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS trên địa bàn. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung của các Nghị quyết, Đề án về nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS; ban hành các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch... phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, có nhiều giải pháp trong công tác lãnh, chỉ đạo việc vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số đối với học sinh DTTS. Cấp ủy, UBND xã đã đề ra những giải pháp để lãnh đạo huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc chăm lo, quản lý giáo dục học sinh, thực hiện có hiệu quả công tác vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh.

UBND xã chỉ đạo các đơn vị trường học chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh qua nhiều hình thức khác nhau. Đội ngũ giáo viên có tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; có nhận thức đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng chính sách pháp luật của nhà nước về công tác Giáo dục. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, năng động, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ. Kết quả không có học sinh bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia các hội, nhóm, tổ chức tôn giáo hoạt động trái pháp luật và các hoạt động vi phạm pháp luật, tụ tập gây rối an ninh, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn. Bên cạnh đó, UBND xã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể xã, các thôn thường xuyên phối kết hợp với gia đình, nhà trường trong công tác vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh. Vì vậy công tác huy động học sinh ra lớp đạt kết quả cao (đạt 98%), tỷ lệ chuyên cần, duy trì sĩ số đạt từ 95 % trở lên.

(có phụ lục 3 đính kèm)

b) Hạn chế:

Ở một số trường học, cán bộ quản lý chưa làm tốt công tác tham mưu, phối hợp với Đảng ủy, UBND xã trong công tác triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS tại địa phương.

⁶ Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS đến 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đắk Tô

Việc phối kết hợp của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường về công tác huy động học sinh đi học chuyên cần chưa chặt chẽ và hiệu quả chưa cao. Phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn khoán trắng cho nhà trường.

c) Nguyên nhân:

Khách quan: Điều kiện địa hình, đời sống khó khăn, vì điều kiện kinh tế còn khó khăn, dân trí thấp, sống bằng nghề làm nương rẫy, phụ huynh phải ưu tiên lao động mưu sinh. Điều này dẫn đến việc họ không có nhiều thời gian và nguồn lực để quan tâm, giám sát và động viên con cái học tập.

Chủ quan: Do ảnh hưởng của hoàn cảnh sống, nhiều học sinh có thể thấy bạn bè đi làm sớm và có thu nhập, từ đó nảy sinh tâm lý muốn nghỉ học để đi lao động, phụ giúp gia đình.

1.2. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân, đặc biệt là của học sinh, cha mẹ học sinh đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững”, các văn bản của Đảng, chính quyền đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các mô hình nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh DTTS tại địa phương.

a) Ưu điểm:

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương “nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS” được đẩy mạnh, thông qua nhiều hình thức như: Tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh của xã; tuyên truyền thông qua Hội nghị và sinh hoạt của tổ chức Đảng các cấp; các cuộc họp ở các thôn làng và chính quyền địa phương; các Hội nghị giao ban, bồi dưỡng thường xuyên của Ngành giáo dục xã; các cuộc họp hội đồng trường, sinh hoạt chủ nhiệm lớp các trường học...

Nội dung của Nghị quyết, Đề án, Chương trình được phổ biến rộng rãi, có tác động tích cực đối với nhận thức, nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng học sinh DTTS. Một số trường học trên địa bàn xã chú trọng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh DTTS thay đổi nếp nghĩ, cách làm, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục và chăm sóc đối với tương lai con em; đã xác lập mô hình, cách làm hay để duy trì sĩ số học sinh, tăng tỷ lệ chuyên cần, nâng cao chất lượng giáo dục như: Nhân rộng mô hình "tiếng keng học tập", "nhóm bạn cùng tiến", "cặp lòng cơm đến trường", "bữa cơm hạnh phúc", "góc học tập tại nhà", "thí điểm mô hình bán trú dân nuôi", "vui học tiếng Việt". Bên cạnh việc xây dựng các mô hình, một số trường học làm tốt công tác xã hội hóa như huy động các tổ chức, cá nhân ủng hộ đầu tư bổ sung, cải tạo cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, sách giáo khoa, vở, bút, quần áo, xe đạp, thực phẩm và các vật dụng khác phục vụ cho việc ăn, ở, sinh hoạt và học tập của học sinh bán trú.

b) Hạn chế:

Công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương, phối hợp với các ban ngành đoàn thể, thôn trưởng, già làng để tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo liên quan vùng DTTS, miền núi, học sinh DTTS ở một số trường thực hiện chưa tốt.

Một bộ phận phụ huynh, vẫn chưa thật sự coi trọng việc học, dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học mùa vụ. Hoạt động tuyên truyền đôi khi mới dừng lại ở việc tổ chức hội nghị, hội thảo, chưa có nhiều hình thức sinh động (clip, video ngắn, truyền thông số).

c) Nguyên nhân:

+ *Nguyên nhân khách quan:* Nhận thức một bộ phận cha mẹ học sinh DTTS về vai trò, ý nghĩa của việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục, chăm sóc đối với việc học tập ở trường của con em mình chưa tốt. Một số trường công tác trao đổi, tương tác, thông tin việc học tập giữa nhà trường và cha mẹ học sinh chưa thường xuyên.

+ *Nguyên nhân chủ quan:* Lãnh đạo địa phương kiêm nhiệm nhiều công việc, bận công tác nên chưa dành nhiều thời gian để kiểm tra, giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch, chương trình địa phương đề ra. Ngoài ra, công tác tham mưu của một số trường học cho chính quyền địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chưa được thường xuyên.

(có phụ lục 04 đính kèm)

1.3. *Củng cố, sắp xếp mạng lưới, quy mô trường, lớp phù hợp; tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh DTTS*

a) *Việc sắp xếp hệ thống trường, lớp học:*

- Ưu điểm:

+ Công tác quy hoạch trường, lớp vẫn được duy trì ổn định; không phát sinh thêm điểm trường lẻ.

+ Mạng lưới lớp học được giữ vững, đảm bảo quy mô theo kế hoạch. Các trường đã chủ động khai thác, sử dụng cơ sở vật chất hiện có một cách tiết kiệm, hợp lý; từng bước sắp xếp, bố trí lớp học phù hợp với sĩ số. Giáo viên và học sinh đã có ý thức trong việc giữ gìn cơ sở vật chất, tận dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có (Tivi, máy chiếu, máy tính). Giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh.

+ Đối với Trường PTDTBT THCS Đình Núp, đến nay đã được đầu tư cơ sở vật chất, nhà ăn, nhà ở bán trú, nhà vệ sinh, công trình nước sinh hoạt cho học sinh bán trú; đầu tư trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học và chăm sóc cho học sinh.

- **Hạn chế:** Đa số các trường phổ thông chưa được đầu tư phòng học bộ môn như: Phòng ngoại ngữ, phòng tin học...; hơn nữa cơ sở vật chất đầu tư cho nhà trường mới chỉ đáp ứng tối thiểu yêu cầu đối với điểm trường chính, các điểm trường lẻ vẫn còn thiếu để phục vụ công tác dạy và học.

(có phụ lục 05, 5a, 5b, 5c, 5d đính kèm)

b) Huy động nguồn lực tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn xã:

- **Ưu điểm:**

+ UBND xã ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các dự án thuộc vốn ODA, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án thuộc ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, các thiết chế văn hóa thể dục, thể thao nhằm tạo điều kiện để phát triển giáo dục.

+ UBND xã ưu tiên kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường học trên địa bàn xã. Hàng năm, UBND xã phê duyệt để mua sắm thiết bị dạy học cho các trường học đảm bảo điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục.

- **Hạn chế:** Việc đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong các trường chưa đáp ứng với nhu cầu.

- **Nguyên nhân:** Đời sống Nhân dân trên địa bàn xã còn khó khăn. Nguồn kinh phí giao đầu tư cơ sở vật chất, chi khác hàng năm cho UBND xã còn hạn hẹp, chỉ đảm bảo ưu tiên đầu tư, phân bổ cho các nội dung thiết yếu của xã.

(có phụ lục 09 đính kèm)

1.4. Kết quả xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng học tập của học sinh DTTS

a) *Đánh giá việc tổ chức triển khai và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên theo Đề án phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa 2018 giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến 2030.*

- **Ưu điểm:**

UBND xã chú trọng giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng nâng cao tư tưởng chính trị, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ hiện đại, tiên tiến trong hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo. Chú trọng đào tạo nâng chuẩn, trên chuẩn, nhằm giải quyết thừa thiếu cục bộ.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông theo yêu cầu của vị trí việc làm hiệu quả và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý, học tiếng DTTS tại chỗ, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh theo Đề án Ngoại ngữ cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên công tác tại các trường được xã quan tâm. Địa phương đã tổ chức triển khai và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi

dưỡng giáo viên theo Đề án phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa 2018 giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến 2030⁷. Lựa chọn đội ngũ giáo viên cốt cán đảm bảo năng lực tham gia đầy đủ các đợt tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và xây dựng kế hoạch, từng bước triển khai tập huấn đại trà đến đội ngũ giáo viên trong toàn Ngành của xã.

- Hạn chế:

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đạt theo quy định để bảo đảm tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, nhất là khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Số lượng đội ngũ giáo viên có trình độ trên chuẩn (thạc sĩ) đối với các trường phổ thông còn thấp. Chưa hình thành được lực lượng “nòng cốt chuyên môn” mạnh ở cấp trường.

+ Năng lực dạy học phân hóa chưa đồng đều. Một bộ phận giáo viên vẫn còn hạn chế trong việc áp dụng các phương pháp tích cực, ứng dụng CNTT trong dạy học.

+ Khả năng sử dụng tiếng DTTS còn ít. Đây là rào cản khi giao tiếp, hỗ trợ trực tiếp học sinh DTTS ở lớp đầu cấp.

- Nguyên nhân: Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chưa thật sự năng động, sáng tạo trong đổi mới, hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng với yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục. Một số cán bộ quản lý và giáo viên lớn tuổi, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực đổi mới, tiếp cận vấn đề mới còn những hạn chế nhất định.

b) Đánh giá việc bồi dưỡng tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm 2018 (do Sở Giáo dục và Đào tạo và địa phương tổ chức).

- Ưu điểm: Chỉ đạo các đơn vị trường tổ chức kịp thời cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia việc bồi dưỡng các Modul để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Triển khai có hiệu quả chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Hạn chế: Một bộ phận giáo viên còn yếu về năng lực sư phạm, chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Nguyên nhân: Ý thức tự bồi dưỡng, tự học tập một số giáo viên chưa tốt, một số giáo viên lớn tuổi, chuẩn bị nghỉ hưu nên không chịu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Đánh giá công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý cho cán bộ quản lý giáo dục, bồi dưỡng tiếng DTTS tại chỗ cho cán bộ

⁷ Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt kèm theo Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

quản lý giáo dục, giáo viên công tác tại các trường vùng DTTS và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh theo Đề án Ngoại ngữ quốc gia.

- **Ưu điểm:** UBND xã luôn quan tâm, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý cho cán bộ quản lý giáo dục và bồi dưỡng tiếng DTTS tại chỗ cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên công tác tại các trường vùng DTTS và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh theo Đề án Ngoại ngữ quốc gia. Tỷ lệ trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý cho cán bộ quản lý giáo dục và bồi dưỡng tiếng DTTS tại chỗ của cán bộ quản lý, giáo viên và đạt chuẩn tiếng Anh của giáo viên hàng năm tăng lên đáng kể.

- **Hạn chế:** Vẫn còn một số giáo viên có trình độ đào tạo chưa đạt chuẩn theo quy định Luật giáo dục 2019.

- **Nguyên nhân:** Một số giáo viên lớn tuổi, chuẩn bị nghỉ hưu nên không chịu học tập nâng cao trình độ đào tạo.

(có phụ lục 02 đính kèm)

1.5. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức các hoạt động đặc thù phù hợp với đối tượng học sinh DTTS góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

a) Đánh giá việc thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học phù hợp đối tượng học sinh DTTS theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, phát triển các kỹ năng của người học; dạy học phân hóa, phù hợp với học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, thu hút học sinh (chú ý nêu bật các mô hình cách làm hay hiệu quả).

- **Đối với bậc mầm non:** Các trường mầm non triển khai Chương trình tập nói tiếng Việt cho học sinh mẫu giáo 5 tuổi; tăng cường dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS bậc mầm non, cấp tiểu học. Bên cạnh đó, nhà trường còn tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh giao tiếp với trẻ bằng tiếng Việt nhằm giúp trẻ phong phú thêm vốn tiếng Việt.

- **Đối với cấp tiểu học:** Các trường tiểu học triển khai chuyên đề “*Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS*”: Dạy lồng ghép tiếng Việt ở tất cả các môn học; tăng thời lượng dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS, triển khai dạy môn tiếng Việt lớp 1 công nghệ; tổ chức dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS 5 tuổi chuẩn bị vào lớp 1; các trường tiểu học thực hiện tốt việc dạy học tiếng Anh và Tin học cho học sinh tiểu học; thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh đã được chú trọng triển khai; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh.

- **Đối với cấp THCS:** Đã triển khai chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh, cung cấp cho

học sinh những kiến thức trọng tâm, cơ bản nhất và chú trọng rèn luyện kỹ năng phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên còn ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho bài dạy phong phú, trực quan; tổ chức dạy học phù hợp đối tượng học sinh DTTS theo hướng phát huy tính chủ động tích cực, khắc phục được tình trạng thụ động của học sinh. Đồng thời, tăng cường tổ chức dạy phụ đạo trái buổi cho học sinh yếu, kém.

b) Đánh giá việc việc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ DTTS trước khi vào lớp 1, tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS cấp tiểu học học (chú ý nêu bật các mô hình cách làm hay hiệu quả).

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức tốt việc xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt trong và ngoài nhà trường. Các cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức các hoạt động thư viện, thực hiện linh hoạt các hoạt động trải nghiệm, trò chơi học tập, giao lưu tiếng Việt, triển khai tốt chuyên đề "Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS",...nhằm giúp học sinh có cơ hội giao lưu và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh DTTS cấp tiểu học⁸. Bên cạnh việc dạy tiếng Việt, các trường còn tuyên truyền, khuyến khích cha mẹ giao tiếp với trẻ bằng tiếng Việt để giúp trẻ phong phú thêm vốn tiếng Việt, giúp học sinh có cơ hội giao lưu và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt.

c) Đánh giá việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp nhằm huy động học sinh ra lớp; môi trường học tập thân thiện, tích cực, thu hút học sinh. Việc thành lập các tổ, nhóm bạn học sinh cùng tiến trong nhà trường và khu dân cư giúp nhau cùng học có sự hỗ trợ các tổ chức, đoàn thể

UBND xã tiếp tục thực hiện việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đối với Trường PTDTBT THCS Đinh Núp có học sinh bán trú; duy trì và phát triển các mô hình học tập có hiệu quả tại như: Thành lập các tổ, nhóm "bạn học sinh cùng tiến" trong nhà trường và khu dân cư giúp nhau cùng học có sự hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể; tổ chức cho học sinh xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học ngoài giờ chính khóa, xây dựng góc học tập thân thiện,...tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp nhằm huy động học sinh ra lớp; chỉ đạo các trường chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phân hóa, phù hợp với học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, thu hút học sinh đến lớp.

Bên cạnh đó, một số trường học chưa làm tốt công tác tham mưu các cấp có thẩm quyền trong việc chỉ đạo, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội

⁸ Quyết định số 1008/QĐ-TTg, ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025"; Công văn số 1949/BGDĐT-GDTH, ngày 13/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện các hoạt động và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Kế hoạch số 215/KH-UBND, ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về triển khai Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum"; Công văn số 3666/UBND-KGVX ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh việc triển khai thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2020 – 2025; Kế hoạch số 790/KH-UBND, ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum triển khai, thực hiện Giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến 2025"trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ tỉnh Kon Tum.

đổi với việc huy động học sinh ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần.

d) Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp đối tượng học sinh: Chỉ đạo các đơn vị trường học đã thực hiện việc đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, quán triệt việc chạy theo thành tích trong giáo dục. Chỉ đạo chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh. Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục học sinh từng khối lớp (*theo chuẩn kiến thức, kỹ năng*) bằng các hình thức độc lập phù hợp; phân tích, đánh giá, so sánh với kết quả đánh giá thường xuyên của các đơn vị nhằm chấn chỉnh, thúc đẩy công tác quản lý, dạy học tại các cơ sở giáo dục.

đ) Đánh giá công tác phân luồng học sinh sau THCS và định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT và THCS trên địa bàn:

Hàng năm, việc phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông được UBND xã quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện; nhiều trường học đã có giải pháp cụ thể, hiệu quả trong việc định hướng, tư vấn, hỗ trợ để học sinh tiếp tục học lên cấp trung học phổ thông hoặc chọn ngành nghề phù hợp với khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mình. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh vào học tại trung tâm dạy nghề huyện hoặc học sinh được học liên thông lên các cấp học cao hơn; Tỷ lệ học sinh DTTS sau tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, học nghề hàng năm có chuyển biến, tăng dần.

Tuy nhiên, đội ngũ làm công tác hướng nghiệp ở các nhà trường hầu hết là kiêm nhiệm, nên việc nắm bắt thị trường lao động còn hạn chế; nhận thức, định hướng một số cha mẹ học sinh về nghề nghiệp con em mình hạn chế. Do đó, hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế, học sinh DTTS chưa có được tính chủ động trong lựa chọn nghề, tỷ lệ học sinh DTTS sau tốt nghiệp THCS tiếp tục học nghề còn hạn chế.

e) Đánh giá công tác nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập, củng cố và nâng cao kết quả phổ cập xóa mù chữ vùng DTTS, trong đó tập trung các giải pháp nhằm duy trì và củng cố kết quả phổ cập THCS vùng DTTS

Năm 2021 đến năm 2025, duy trì đạt chuẩn, củng cố và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học và xóa mù chữ vùng DTTS; Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. Về xóa mù chữ, toàn xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Duy trì bền vững kết quả đã đạt được của năm 2021.

- *Phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:* Năm 2021 đến năm 2025, duy trì đạt chuẩn PCGDMN trẻ 5 tuổi. Trong đó, trẻ em 5 tuổi đến lớp duy trì đạt tỷ lệ 100%; trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt tỷ lệ 100%.

- *PCGD tiểu học:* Giữ vững và nâng cao kết quả PCGD tiểu học, các trường đều đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3. Số trẻ 6 tuổi được huy động vào học lớp 1 đạt tỷ lệ 100%.

- *PCGD THCS:* Các trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- *Về xóa mù chữ:* Các trường trên địa bàn xã đều đã đạt chuẩn xóa mù chữ

mức độ 2. Duy trì bền vững kết quả đã đạt được của năm 2020⁹; đối tượng mù chữ là những người lớn tuổi, sức khỏe yếu hoặc là người khuyết tật.

(có phụ lục 06 đính kèm)

g) Đánh giá hiệu quả việc dạy học 2 buổi/ngày gắn dạy phụ đạo, bồi dưỡng và đổi mới phương pháp giáo dục đặc thù

- Ưu điểm:

+ Phương pháp tổ chức, quản lý dạy phụ đạo, bồi dưỡng và các hoạt động giáo dục phù hợp cho trẻ em, học sinh DTTS, chú trọng việc thực hiện các mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS.

+ Chỉ đạo các trường học tổ chức khảo sát chất lượng học sinh, sau đó tiến hành phân loại đối tượng học tập của học sinh. Trên cơ sở đó, các trường học căn cứ tình hình số lượng, cơ cấu giáo viên để tổ chức các lớp phụ đạo, bồi dưỡng. Hầu hết các trường đều tổ chức dạy phụ đạo cho học sinh: Cấp tiểu học chú trọng dạy 2 môn Toán, tiếng Việt; cấp THCS, THPT tổ chức dạy các môn Ngữ văn, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh¹⁰.

+ Kinh phí được phân bổ và kinh phí thực hiện việc chi trả bồi dưỡng cho giáo viên dạy tăng cường Tiếng Việt và dạy phụ đạo theo Đề án: Giai đoạn 2021-2025, Các trường học thực hiện nghiêm việc chi trả kinh phí bồi dưỡng đối với giáo viên dạy phụ đạo học sinh DTTS kịp thời, đầy đủ, đảm bảo quy định.

- **Hạn chế:** Việc chi trả kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên dạy phụ đạo học sinh DTTS theo quy định Đề án đối với cấp THCS thực hiện vào cuối năm học chưa phù hợp, nên chi trả vào cuối mỗi học kỳ.

- **Nguyên nhân:** Việc chi trả kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên dạy phụ đạo học sinh DTTS được quy định theo Đề án.

(có phụ lục 7a, 7b, 7c đính kèm)

1.6. Công tác huy động và sử dụng có hiệu quả các chính sách, nguồn lực đối với học sinh DTTS

Chỉ đạo các trường học thực hiện nghiêm việc chi trả các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh, giáo viên dạy phụ đạo học sinh kịp thời, đầy đủ, đúng quy định¹¹. Qua kiểm tra, theo dõi các trường học chi trả các

⁹ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 đạt tỷ lệ 99%; tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 đạt tỷ lệ 97%.

¹⁰ Chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh, cung cấp cho học sinh những kiến thức trọng tâm, cơ bản nhất và chú trọng rèn luyện kỹ năng phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên còn ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho bài dạy phong phú, trực quan; tổ chức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh DTTS theo hướng phát huy tính chủ động tích cực của học sinh, khắc phục được tình trạng thụ động của học sinh. Đồng thời tăng cường tổ chức dạy phụ đạo trái buổi cho học sinh yếu, kém.

¹¹ - Hỗ trợ tiền ăn, nhà ở và gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 86/2015/QĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

chế độ, chính sách của Chính phủ, Nhà nước hỗ trợ học sinh đầy đủ, đảm bảo và cha mẹ học sinh sử dụng đúng mục đích các chế độ chính sách.

(có phụ lục 8a, 8b, 8c, 8d, 8e, 8f, 8g, 8h, 8i đính kèm)

1.7. Việc huy động các nguồn lực xã hội tăng cường hỗ trợ các hoạt động giáo dục cơ sở vật chất cho giáo dục vùng DTTS

- **Ưu điểm:** Triển khai thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực đóng góp của các cá nhân, tập thể, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước đóng góp hỗ trợ kinh phí, ngày công lao động cho công tác giáo dục, bổ sung cơ sở vật chất cho các trường, hỗ trợ sách giáo khoa, vở học tập cho học sinh. Từ 2021 đến nay, phụ huynh học sinh đã tham gia hàng ngàn ngày công lao động, làm một số hạng mục phụ trợ, để cho con em có đủ điều kiện học tập tốt hơn.

- **Hạn chế:** Công tác xã hội hóa giáo dục ở một số trường học còn hạn chế.

- **Nguyên nhân:** Đời sống Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy có được cải thiện song vẫn còn nhiều khó khăn; nhận thức của cha mẹ học sinh còn nhiều hạn chế, chưa quan tâm, hướng nghiệp cho con em mình.

2. Công tác kiểm tra đánh giá, sơ kết của cấp ủy, chính quyền và cơ sở giáo dục trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Đề án.

UBND xã ban hành Kế hoạch, lập Đoàn kiểm tra, đánh giá hàng năm về các mục tiêu theo Chương trình, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, UBND huyện đề ra¹².

Thường xuyên chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, nhà trường và các thôn thường xuyên vận động người dân thay đổi nếp nghĩ, cách làm để nâng cao chất lượng việc dạy và học ở các cấp. Kiểm tra các nội dung của Đề án và phong trào “tiếng kèng học tập” ở các thôn.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của Đề án

a) Ưu điểm

Qua 05 năm triển khai thực hiện Đề án, Nghị quyết cơ bản các chỉ tiêu đạt và có chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra như: Chất lượng giáo dục, hạnh kiểm đối với học sinh DTTS đã có những chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh khá, giỏi từng bước

- Về hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mầm non 3,4,5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Hỗ trợ chính sách đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 18/7/2016 của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính quy định về chính sách đối với người khuyết tật.

¹² Kế hoạch số 57/KH-UBND, ngày 29/3/2023 kiểm tra, đánh giá sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Chương trình số 22-CTr/HU, ngày 21-7-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVI nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết số 151/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023 thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Chương trình số 22-CTr/HU, ngày 21-7-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVI nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết số 152/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023 bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra, đánh giá sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Chương trình số 22-CTr/HU...

được nâng lên, tăng dần; tỷ lệ học sinh DTTS sau tốt nghiệp các cấp học (*tốt nghiệp THCS đi học nghề, kết hợp với học THPT hệ GDTX và sau tốt nghiệp THPT học đại học, cao đẳng, trung cấp hoặc đào tạo nghề*) đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết, năm sau cao hơn năm trước; tỷ lệ học sinh tiểu học từ lớp 3 trở lên học ngoại ngữ, tin học đạt chỉ tiêu. Tỷ lệ huy động học sinh DTTS trong độ tuổi ở các cấp học, bậc học đến trường đạt chỉ tiêu, công tác duy trì sĩ số tương đối đảm bảo; kết quả học tập chung của học sinh ở các bậc học về học lực được nâng lên, tỷ lệ học sinh yếu về học lực giảm theo từng năm.

UBND xã quan tâm, ưu tiên phân bổ nguồn kinh phí từ các chương trình đề đầu tư đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục đảm bảo phục vụ cho công tác giáo dục, giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên luôn được UBND xã quan tâm, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng, có đủ phẩm chất, năng lực, đạt chuẩn trình độ đào tạo để thực hiện nhiệm vụ.

(có phụ lục 10 đính kèm)

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh ưu điểm, vẫn có một số chỉ tiêu chưa đạt so với Đề án và Nghị quyết của tỉnh như:

- Một số trường học chưa làm tốt công tác tham mưu các cấp có thẩm quyền trong việc chỉ đạo, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội đối với việc huy động học sinh ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tỷ lệ giáo viên chưa được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số vẫn còn. Giáo viên chưa biết tiếng DTTS nên còn gặp khó khăn trong giao tiếp, vận động học sinh đi học chuyên cần.

- Cơ sở vật chất ở các cơ sở giáo dục như: Phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng bộ môn, phòng hiệu bộ, phòng chức năng ở các trường vẫn còn thiếu.

- Công tác huy động xã hội hóa giáo dục ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã còn ít, chưa đạt chỉ tiêu.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

- + Nguồn kinh phí đầu tư của nhà nước hạn hẹp, nguồn lực huy động từ xã hội hóa ở vùng đồng bào DTTS có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn còn hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất lớn; mặt khác, nhiều công trình xuống cấp cần được nâng cấp, sửa chữa...Làm cho việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng nhu cầu dạy học, nuôi dưỡng học sinh. Kinh phí đầu tư cho các cơ sở giáo dục còn ít so với nhu cầu phát triển giáo dục hiện nay.

- + Xã Ngọc Tụ phần đông là người DTTS chiếm tỷ lệ cao, đời sống nhân dân còn khó khăn nên điều kiện để chăm lo cho việc học tập của con em hạn chế

nhất định; hơn nữa trên địa bàn ít doanh nghiệp đến đầu tư nên việc vận động nguồn lực xã hội hóa giáo dục khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Trách nhiệm của người đứng đầu sở trường học chưa cao, công tác tham mưu các cấp có thẩm quyền trong việc chỉ đạo, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội đối với việc huy động học sinh ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần để nâng cao chất lượng giáo dục chưa có sự đổi mới, có nơi chưa quyết liệt.

+ Một số giáo viên chưa biết tiếng dân tộc thiểu số trong giao tiếp, giảng dạy, trong vận động học sinh đi học chuyên cần và nâng cao kỹ năng tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số.

+ Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa thật quan tâm và thiếu trách nhiệm trong việc chăm lo, đôn đốc, tạo điều kiện cho con em học tập. Còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

4. Bài học kinh nghiệm

- Cần nâng trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo nhằm phát triển vùng DTTS, miền núi, chú trọng công tác tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, các gương điển hình tiên tiến.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có phẩm chất chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn, đạo đức nhà giáo, trách nhiệm, tâm huyết với nhiệm vụ được giao, am hiểu về văn hóa, phong tục tập quán, ngôn ngữ địa phương, nhất là đối với giáo dục ở vùng đồng bào DTTS.

- Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, chú trọng ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất các điểm trường đáp ứng nhu cầu dạy học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh DTTS.

- Triển khai kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh DTTS, nhà giáo công tác trong các trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát chất lượng giáo dục tại địa phương, chú trọng công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai các hoạt động giáo dục theo Đề án và công tác tổ chức thực hiện, sử dụng các chính sách hỗ trợ đối với học sinh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Phát huy những ưu điểm, có biện pháp khắc phục những hạn chế để tiếp tục thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Đề án, Nghị quyết của tỉnh, trong đó tập trung vào những nội dung sau:

1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của tổ chức Đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể ở địa phương, đơn vị trường học, xây dựng, củng cố và phát triển mô hình bán trú dân nuôi nhằm huy động có hiệu quả học sinh ra lớp, duy trì chuyên cần nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững”.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, huy động các nguồn lực, tiếp tục thực hiện lồng ghép có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030 cho việc đầu tư cơ sở vật chất nhà trường, đáp ứng nhu cầu dạy học, thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa và lộ trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong thời gian tới; đặc biệt là phải đảm bảo đủ phòng học để tổ chức dạy 2 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, các trang thiết bị phục vụ dạy học, công trình vệ sinh, nước sạch phục vụ cho cán bộ, giáo viên và học sinh, nhà ở, nhà ăn và các thiết bị kèm theo phục vụ ăn, ở cho học sinh.

3. Huy động các nguồn lực, tiếp tục thực hiện lồng ghép có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2021-2030 cho việc đầu tư cơ sở vật chất các trường học, đáp ứng nhu cầu dạy học, thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa và lộ trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong thời gian tới; đặc biệt là phải đảm bảo đủ phòng học để tổ chức dạy 2 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, các trang thiết bị phục vụ dạy học, công trình vệ sinh, nước sạch phục vụ cho cán bộ, giáo viên và học sinh, nhà ở, nhà ăn và các thiết bị kèm theo phục vụ ăn, ở cho học sinh; chú trọng đầu tư cơ sở giáo dục mầm non để đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao tỷ lệ trẻ DTTS trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp.

4. Tiếp tục tham mưu xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Triển khai có hiệu quả lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên; có giải pháp tham mưu bố trí đủ giáo viên dạy học, nhất là Tiếng Anh và môn Tin học để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

5. Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo quy định của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với đối tượng và tình hình thực tế của địa phương; nâng cao chất lượng việc tổ chức dạy 2 buổi/ngày, dạy bồi dưỡng, phụ đạo đối với học sinh DTTS; thực hiện có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

6. Tiếp tục đề xuất, kiến nghị cấp thẩm quyền triển khai kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh DTTS, nhà giáo; kịp thời có văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các chế độ, chính sách cho học sinh, nhà giáo.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

Quan tâm phân bổ thêm kinh phí cho UBND xã để xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất các trường học đã xuống cấp; xây dựng cơ sở vật chất cho các trường thực hiện mô hình bán trú dân nuôi và trường Phổ thông dân tộc bán trú nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018; cấp thêm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong lớp, ngoài trời cho các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đảm bảo theo quy định...

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh

Tham mưu cấp thẩm quyền sớm ban hành văn bản tiếp tục triển khai thực hiện Đề án này định hướng đến năm 2030.

Tham mưu đề xuất phân bổ nguồn kinh phí để chi trả cho giáo viên thực hiện dạy 02 buổi trên ngày, chi trả cho giáo viên dạy vượt số tiết quy định.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Đề án và Nghị quyết số 02-NQ/TU nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Ngọc Tú./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, PVHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Thủy